

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BỒI DƯỠNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Thuế - 1104053

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110405301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610110060	Dương Thị Phương Anh	06/08/1998	<i>ĐH</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
2	1610110052	Võ Thúy Anh	17/06/1998	<i>Thuy</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
3	1610110086	Lê Ngọc Ánh	13/10/1995	<i>Ánh</i>	6,5	Sáu	C18KT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<i>Bích</i>	9,0	Chín	C18KT	
5	1610110036	Đinh Thị Xuân	09/03/1998	<i>Đinh</i>	6,0	Sáu	C18KT	
6	1610110002	Cao Thị Diệu	20/11/1996	<i>Diệu</i>	7,0	Bảy	C18KT	
7	1610110058	Trần Khương Duy	04/06/1998	<i>Duy</i>	6,0	Sáu	C18KT	
8	1610110066	Vũ Thị Thu Hà	20/02/1998	<i>Hà</i>	9,0	Chín	C18KT	
9	1610110084	Trà Ngọc Cẩm Hằng	11/5/1998	<i>Hằng</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
10	1610110062	Vũ Thị Hằng	01/04/1998	<i>Hằng</i>	6,0	Sáu	C18KT	
11	1610110078	Lê Đăng Gia Hân	13/09/1998	<i>Hân</i>	6,0	Sáu	C18KT	
12	1610110050	Lê Thị Thu Hồng	13/07/1997	<i>Hồng</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
13	1610110074	Dương Thị Thúy Huỳnh	03/10/1998	<i>Thuy</i>	6,0	Sáu	C18KT	
14	1610110035	Phạm Thị Mỹ Khanh	14/10/1998	<i>Khanh</i>	6,0	Sáu	C18KT	
15	1610110041	Trần Ngọc Tuyết Lam	22/05/1997	<i>Lam</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
16	1610110085	Phan Tổ Thanh Lê	23/02/1998	<i>Lê</i>	6,0	Sáu	C18KT	
17	1610110071	Trương Huỳnh Lợi Lợi	21/02/1998	<i>Lợi</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
18	1610110064	Bùi Thị Diễm Mi	02/05/1998	<i>Mi</i>	7,0	Bảy	C18KT	
19	1610110055	Lê Thảo Mi	09/05/1998	<i>Mi</i>	8,0	Tám	C18KT	
20	1610110083	Trần Công Minh	01/04/1998	<i>Minh</i>	5,0	Hăm	C18KT	
21	1610110057	Lê Thị Tuyết My	15/05/1998	<i>My</i>	6,0	Sáu	C18KT	
22	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/12/1997	<i>Nga</i>	7,0	Bảy	C18KT	
23	1510110001	Huỳnh Mỹ Ngọc	26/02/1997	<i>Ngọc</i>	6,5	Sáu rưỡi	C17KT	
24	1610110043	Đào Thị Kim Oanh	15/08/1998	<i>Oanh</i>	6,0	Sáu	C18KT	
25	1610110065	Lâm Hoàng Kim Oanh	02/06/1998	<i>Oanh</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
26	1610110040	Trần Thanh Phát	06/06/1998	<i>Phát</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
27	1610110073	Trần Thị Trú Phước	23/06/1998	<i>Phước</i>	6,0	Sáu	C18KT	
28	1610110063	Nguyễn Châu Huệ Quyên	01/08/1997	<i>Quyên</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
29	1610110051	Trần Thị Mỹ Quỳnh	12/09/1997	<i>Quỳnh</i>	6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
30	1510110042	Nguyễn Thị Xuân Thảo	05/11/1997	<i>Thảo</i>	5,5	Hăm rưỡi	C17KT	
31	1610110067	Trần Nguyễn Anh Thư	18/5/1998	<i>Thư</i>	6,0	Sáu	C18KT	
32	1610110080	Trần Thùy Trang	27/09/1998	<i>Trang</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
33	1510110017	Đinh Thị Mỹ Trinh	02/11/1997	<i>Trinh</i>	5,5	Hăm rưỡi	C17KT	
34	1510120002	Phan Dư Quang Trường	01/5/1997	<i>Trường</i>	5,0	Hăm	C17TC	

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1610110056	Nguyễn Thị Cẩm Tú	04/07/1998		6,0	Sau	C18KT	
36 1610110053	Nguyễn Thị Thúy Vy	28/3/1998				C18KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Ánh

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Huyền

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ I - Năm học : 2017-2018

Môn học : Thuế - 1104053

Mã lớp học phần: 110405301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 18/12/2017

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: A.N.V.5 Ký tên: 2/2Giám thị 2: Ng-V. Quynh Ký tên: Giám thị 3: Ký tên: Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610110060	Dương Thị Phương Anh	06/08/1998	<u>Ph</u>		5,0	Nam	C18KT	
2	1610110052	Võ Thúy Anh	17/06/1998	<u>Thuy Anh</u>		6,0	Sau	C18KT	
3	1610110086	Lê Ngọc Ánh	13/10/1995	<u>An</u>		5,0	Nam	C18KT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<u>Bich</u>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
5	1610110036	Đinh Thị Xuân	09/03/1998	<u>Xuan</u>		5,0	Nam	C18KT	
6	1610110002	Cao Thị Diệu	20/11/1996	<u>Di</u>		6,0	Sau	C18KT	
7	1610110058	Trần Khương Duy	04/06/1998	<u>Duy</u>		5,0	Nam	C18KT	
8	1610110066	Vũ Thị Thu Hà	20/02/1998	<u>Ha</u>		8,0	Tám	C18KT	
9	1610110084	Trà Ngọc Cẩm Hằng	11/5/1998	<u>Hang</u>		6,0	Sau	C18KT	
10	1610110062	Vũ Thị Hằng	01/04/1998	<u>Hang</u>		4,5	Bốn rưỡi	C18KT	
11	1610110078	Lê Đặng Gia Hân	13/09/1998	<u>Han</u>		7,0	Bảy	C18KT	
12	1610110050	Lê Thị Thu Hồng	13/07/1997	<u>Hong</u>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
13	1610110074	Dương Thị Thúy Huỳnh	03/10/1998	<u>Thuy</u>		5,5	Năm rưỡi	C18KT	
14	1610110035	Phạm Thị Mỹ Khanh	14/10/1998	<u>Khanh</u>		6,0	Sau	C18KT	
15	1610110041	Trần Ngọc Tuyết Lam	22/05/1997	<u>Lam</u>		6,0	Sau	C18KT	
16	1610110085	Phan Tô Thanh Lê	23/02/1998	<u>Le</u>		5,0	Nam	C18KT	
17	1610110071	Trương Huỳnh Lợi	21/02/1998	<u>Loi</u>		5,0	Nam	C18KT	
18	1610110064	Bùi Thị Diễm Mi	02/05/1998	<u>Mi</u>		6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
19	1610110055	Lê Thảo Mi	09/05/1998	<u>Mi</u>		6,5	Sáu rưỡi	C18KT	
20	1610110083	Trần Công Minh	01/04/1998	<u>Minh</u>		5,0	Nam	C18KT	
21	1610110057	Lê Thị Tuyết My	15/05/1998	<u>My</u>		5,0	Nam	C18KT	
22	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/12/1997	<u>Nga</u>		5,0	Nam	C18KT	
23	1510110001	Huỳnh Mỹ Ngọc	26/02/1997	<u>Ngoc</u>		3,0	Ba	C17KT	
24	1610110043	Đào Thị Kim Oanh	15/08/1998	<u>Oanh</u>		5,0	Nam	C18KT	
25	1610110065	Lâm Hoàng Kim Oanh	02/06/1998	<u>Oanh</u>		5,0	Nam	C18KT	
26	1610110040	Trần Thanh Phát	06/06/1998	<u>Phat</u>		5,0	Nam	C18KT	
27	1610110073	Trần Thị Trúc Phương	23/06/1998	<u>Phuong</u>		4,5	Bốn rưỡi	C18KT	
28	1610110063	Nguyễn Châu Huệ Quyên	01/08/1997	<u>Quyên</u>		5,0	Nam	C18KT	
29	1610110051	Trần Thị Mỹ Quỳnh	12/09/1997	<u>Quynh</u>		7,0	Bảy	C18KT	
30	1510110042	Nguyễn Thị Xuân Thảo	05/11/1997	<u>Thao</u>		5,0	Nam	C17KT	
31	1610110067	Trần Nguyễn Anh Thư	18/5/1998	<u>Thu</u>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
32	1610110080	Trần Thùy Trang	27/09/1998	<u>Trang</u>		8,0	Tám	C18KT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1510110017	Đinh Thị Mỹ	Trinh	02/11/1997			6,0	Sáu	C17KT	
34	1510120002	Phan Dư Quang	Trường	01/5/1997			5,5	Năm rưỡi	C17TC	
35	1610110056	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/07/1998			6,0	Sáu	C18KT	
36	1610110053	Nguyễn Thị Thúy	Vy	28/3/1998					C18KT	Nợ HP

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 35 / 35.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 25 tháng 12 năm 2017

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày: 25 tháng 12 năm 2017

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mâu Thị Duyên